TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **23**/2018/HNGĐ-ST Ngày: 16/7/2018. V/v: *Ly hôn*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**: Ông Nguyễn Sơn Hà;
- **Các Hội thẩm nhân dân**: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Đỗ Mạnh Điền.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thụ, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Nam Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2018, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HPT ngày 14/5/2018 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 28/2018/DSST-QĐ ngày 28/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Xóm 1, xã Nga Th, huyện Nga S, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: Số nhà 92, đường V, phường Khương T, quận TX, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Mai Văn P, sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm 1, xã Nga Th, huyện Nga S, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: Số nhà 35B, Tập thể Tổng cục 2, Tổ dân phố số 3, phường CN 2, quận Bắc TL, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Mai Văn P kết hôn ngày 19/01/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga Th, huyện Nga S, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện, thông qua may mối của gia đình nên tình cảm vợ chồng không được sâu đậm ngay từ khi vừa

cưới nhau. Sau khi kết hôn anh P thường xuyên đánh đập, chửi bới, bạo lực đối với chị cả về tinh thần và thể xác. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Từ khi sinh con gái đầu lòng, anh P đã không chăm sóc, chu cấp kinh tế cho vợ con mà chỉ mải mê chơi bời. Chị phải gửi con cho bà ngoại nuôi dưỡng từ lúc con 06 tháng cho đến khi con 04 tuổi mới đón về. Thời điểm này vợ chồng mỗi người một nơi, chị phải đi làm kiếm tiền lo chu cấp nhờ bà ngoại nuôi con. Đến năm 2014 thì vợ chồng quay về chung sống cùng nhau và đón con lên ở cùng, tháng 4/2016 thì chị sinh tiếp cháu trai thứ hai. Trong suốt quá trình chung sống anh P không thay đổi tính nết, vẫn thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ con, khi uống rượu say anh còn đổ cả rượu vào mặt các con, nhốt 3 mẹ con trong phòng đánh đập, rồi cầm dao dọa giết chị làm các con hoảng loạn và rất sợ bố. Anh P thường nhốt chị trong phòng và đánh vào khoảng 02 hoặc 03 giờ sáng để không ai biết. Do sợ hãi và không thể chung sống cùng người chồng vũ phu nên chị đã bỏ trốn khỏi nhà từ ngày 15/02/2018 cho đến nay. Khi bỏ trốn chị không thể mang theo được các con, chị muốn chăm sóc các con nên đã quay lại thăm các con thì anh P ngăn cản không cho thăm. Vì không nuôi được các con nên anh P đã mang hai con về Nga T, Nga S, TH để bà nội các cháu chăm sóc. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Văn P.

- Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Mai Khánh Ng, sinh 16/01/2011 và cháu Mai Trung H, sinh ngày 22/4/2016. Hiện cả cháu đang sống cùng bà nội tại Nga T, Nga S, TH. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng nếu anh P và gia đình cũng có ý kiến xin nuôi con, thì chị xin được nuôi con thứ hai là cháu Trung H, vì cháu còn nhỏ, chưa được 03 tuổi cần sự chăm sóc của chị và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang ở nhà cô chú tại Số nhà 92 Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Công việc của chị là nhân viên điều hành xe của Công ty kết nối sân bay Nội Bài, thu nhập hàng tháng được khoảng 7.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Bị đơn anh Mai Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không hợp tác, không cung cấp lời khai và không đến Tòa:

Bố mẹ anh P là ông Mai Văn Nha và bà Mai Thị Viên trình bày: Anh P, chị T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga Th, huyện Nga S, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh, chị lên Hà Nội thuê nhà làm ăn, sinh sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng ba năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng không có kết quả, đến tháng 4/2017 thì mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, chị T bỏ nhà đi để lại các con anh P phải chăm sóc. Do bận công việc nên anh P đã cho các con về Nga T, Nga S, TH để bà nội chăm sóc. Hiện chỉ có ông Nha và anh P sinh sống tại số nhà 35B, Tập thể Tổng cục 2, Tổ dân phố số 3, phường CN 2, quận Bắc TL, thành phố Hà Nội. Ngày anh P đi làm tối mới về, còn nhà 4 tầng anh P thuê thời hạn 05 năm, rồi cho sinh viên Học viện cảnh sát thuê lại nên ông Nh ở đây để trông nom nhà cửa giúp anh P.

Nay chị T có đơn xin ly hôn ông, bà đề nghị Tòa giải quyết cho anh P và chị T được ly hôn vì ông bà thấy anh P cũng đã hết tình cảm với chị T. Anh P, chị T có 02 con chung, hiện cả hai con đều đang ở cùng bà nội, trường hợp hai cháu ly hôn đề nghị giao cả hai con chung cho anh tuyển nuôi dưỡng, không cần chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác chúng tôi đã nhận và giao cho Pho, Pho đã nhận nhưng không đến Tòa giải quyết. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Chị Bùi Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Văn P, chị xin được nuôi dưỡng cháu Mai Trung H, sinh ngày 22/4/2016, anh P nuôi dưỡng cháu Mai Khánh Ng, sinh ngày 16/01/2011. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị trình bày về tài sản chung, nợ chung, tự thoả thuận, không đề nghị Tòa giải quyết;

- Anh Mai Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát quận Bắc Từ Liêm phát biểu: Thẩm phán đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét

xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Mai Văn P; Giao cháu Mai Trung H, sinh ngày 22/4/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Mai Khánh Ng, sinh 16/01/2011 cho anh Mai Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Bùi Thị T khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Mai Văn P. Hiện anh P đang cư trú tại số nhà 35B, Tập thể Tổng cục 2, Tổ dân phố số 3, phường CN 2, quận Bắc TL, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Bắc TL thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh P đến Tòa làm bản tự khai, hòa giải, tống đạt quyết định đưa vụ án xét xử cho anh P. Bố anh P là ông Nh đã nhận và cam kết giao anh P một số văn bản, một số văn bản Tòa án đã niêm yết tại cửa nhà anh P, thủ tục tống đạt hợp lệ nhưng anh P không đến Tòa, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Vì vậy, căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh P

Về nội dung:

Anh Mai Văn P và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga Th, huyện Nga S, tỉnh T ngày 19/01/2009. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Ngày 12/01/2018 chị T có đơn xin ly hôn anh P, lý do vợ chồng không có tình cảm sâu đậm, ngay từ khi vừa cưới nhau vợ chồng đã thường xuyên mâu thuẫn, anh P thường đánh đập, chửi bới, bạo lực đối với vợ. Từ tháng 02/2018 chị T đã bỏ nhà ra ngoài sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Qua xác minh tại chính quyền phường CN 2 nơi anh P, chị T sinh sống cho biết: Cánh đây vài năm anh P, chị T thuê nhà số nhà 35B, Tập thể Tổng cục 2, Tổ dân phố số 3, phường CN 2 và chuyển đến đây sinh sống và có đăng ký tạm trú. Hiện anh P và bố là ông Nh đang sinh sống tại đây. Chúng tôi có nghe nói vợ chồng Tuyển Pho mâu thuẫn, chị T đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2018 để lại các con cho anh P chăm sóc, còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không rõ. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2018 và 18/4/2018 bố mẹ anh P là ông Nh, bà V cũng xác nhận anh P không còn tình cảm với chị T nữa, ông bà cũng không muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ cho anh P, chị T nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh P được ly hôn chị T.

Qua phần trình bày của nguyên đơn tại Tòa án, ý kiến của chính quyền địa phương nơi anh P cư trú và ý kiến của gia đình anh P Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P, chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị đã có một thời gian dài sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị T xin ly hôn, anh P biết nhưng không có ý kiến gì nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn anh P.

Về con chung: Anh P, chị T có hai con chung là Mai Khánh Ng, sinh 16/01/2011 và cháu Mai Trung H, sinh ngày 22/4/2016. Hiện cả hai con đang ở cùng bà nội tại Nga T, Nga S, TH. Khi ly hôn chị T xin được nuôi dưỡng cháu Hiếu, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P không đến Tòa và không có quan điểm trình bày. Bố mẹ anh là ông Nh, bà V đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh P nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Mai Khánh Ng có nguyện vọng được ở với anh P sau khi bố mẹ ly hôn nên giao cháu Khánh Ngọc cho anh P nuôi dưỡng. Cháu Mai Trung H còn nhỏ, dưới 3 tuổi, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu Trung H cho chị T nuôi dưỡng. Anh P, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh P, chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở

Về tài sản chung: Anh P, chị T tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện** của chị Bùi Thị T về việc xin ly hôn anh Mai Văn P. Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Mai Văn P.

2. Về con chung: Anh P, chị T có hai con chung là Mai Khánh Ng, sinh 16/01/2011 và cháu Mai Trung H, sinh ngày 22/4/2016. Giao cháu Mai Trung H cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Mai Khánh Ng cho anh Mai Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh P, chị T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Anh P, chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh P, chị T tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai số AB/2014/05919 ngày 28/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố HN;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án DS Q.Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Sơn Hà
(Đã ký)